

**CÔNG TY
CỔ PHẦN GIAO NHẬN
VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán	4
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2011	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 28

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM, ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162, ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn thành lập các chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049 ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696, ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

- Văn phòng đại diện thương mại tại Vương quốc Campuchia được thành lập theo Giấy chứng nhận xác nhận có đăng ký trong sổ thương mại số 5692 TM/PC, ngày 17 tháng 12 năm 2010 do Bộ Thương Mại Campuchia cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;

- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;

- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;

- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;

- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;

- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;

- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;

- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;

- Gia công hàng dệt may;

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;

- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;

- Kinh doanh vận tải đa phương thức;

- Dịch vụ chuyển phát.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Chủ tịch
Ông Vũ Thế Đức	Phó Chủ tịch
Bà Trần Xuân Hồng	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Loan	Ủy viên
Ông Trương Minh Long	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Bà Phan Phương Tuyền	Trưởng ban
Bà Lê Thị Ngọc Anh	Thành viên
Bà Vũ Thị Bình Nguyên	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Nam Tiến	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quốc Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Quang Ngọc	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2011

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2011 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

5. Kiểm toán viên

Công ty Kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NAM TIẾN

Số: 12.154/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 20 tháng 03 năm 2012 của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 05 đến trang 28 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

KIỂM TOÁN VIÊN

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

NGUYỄN CHÁNH THÀNH
Chứng chỉ KTV số 0544/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		109.258.666.958	99.467.184.455
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	35.163.560.121	42.900.654.506
1. Tiền	111		25.915.160.121	31.900.654.506
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.248.400.000	11.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu	130	(5.2)	68.384.160.923	52.117.538.725
1. Phải thu khách hàng	131		42.907.140.301	31.173.887.546
2. Trả trước cho người bán	132		16.236.531.788	12.983.429.729
3. Phải thu nội bộ	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		10.967.821.960	9.091.722.847
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(1.727.333.126)	(1.131.501.397)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141			
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.710.945.914	4.448.991.224
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.000.000	669.236.501
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.591.906.575	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.3)	4.009.039.339	3.779.754.723

(Phần tiếp theo ở trang 6)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		58.414.893.239	54.766.857.201
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		16.669.857.059	18.866.156.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.4)	16.669.857.059	18.866.156.318
+ Nguyên giá	222		31.867.280.281	31.272.379.763
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.197.423.222)	(12.406.223.445)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
+ Nguyên giá	225			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
+ Nguyên giá	228			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
+ Nguyên giá	241			
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.5)	40.298.133.802	34.589.433.802
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		38.716.983.802	33.008.283.802
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.581.150.000	1.581.150.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259			
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.446.902.378	1.311.267.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		848.206.378	793.351.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Tài sản dài hạn khác	268		598.696.000	517.916.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		167.673.560.197	154.234.041.656

(Phần tiếp theo ở trang 7)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TÀI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		39.235.819.019	27.692.943.089
I. Nợ ngắn hạn	310		38.838.713.506	27.675.837.393
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312	(5.6)	13.802.560.005	8.196.957.047
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.6)	9.963.196.562	10.638.966.483
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.7)	3.736.437.998	1.504.297.174
5. Phải trả người lao động	315	(5.8)	6.653.523.753	4.042.366.721
6. Chi phí phải trả	316		924.343.575	
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	318			
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		523.160.990	977.670.645
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.9)	3.235.490.623	2.315.579.323
II. Nợ dài hạn	330		397.105.513	17.105.696
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333		324.750.360	
4. Vay và nợ dài hạn	334			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		72.355.153	17.105.696
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128.437.741.178	126.541.098.567
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.10.1)	128.437.741.178	126.541.098.567
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		90.000.000.000	90.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.950.000.000	4.950.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		3.000.000.000	2.000.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417			
8. Quỹ dự phòng tài chính	418			
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	(5.10.4)	30.487.741.178	29.591.098.567
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		167.673.560.197	154.234.041.656

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại			
+ USD		768.285,79	653.218,54
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN THỊ BÌNH

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		404.267.875.689	354.082.974.839
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	404.267.875.689	354.082.974.839
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	380.587.105.729	333.841.936.487
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		23.680.769.960	20.241.038.352
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	25.975.158.168	29.463.651.457
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	10.150.665.720	13.946.855.021
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23			
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	10.632.617.028	8.671.058.702
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.872.645.380	27.086.776.086
11. Thu nhập khác	31		3.245.113.666	14.618.182
12. Chi phí khác	32		129.154.760	
13. Lợi nhuận khác	40		3.115.958.906	14.618.182
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		31.988.604.286	27.101.394.268
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	5.045.611.675	3.450.968.414
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		26.942.992.611	23.650.425.854
18. Lãi cơ bản trên cổ phần	70	(5.10.3)	2.994	2.628

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		31.988.604.286	27.101.394.268
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		3.081.993.068	2.622.920.896
Các khoản dự phòng	03		595.831.729	837.001.298
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(596.191.165)	(916.265.324)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(14.478.109.232)	(14.807.818.113)
Chi phí lãi vay	06			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		20.592.128.686	14.837.233.025
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(16.922.073.191)	(8.101.109.286)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10			
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		9.268.897.435	9.658.272.473
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		504.381.204	(797.366.779)
Tiền lãi vay đã trả	13			
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(3.035.065.877)	(4.879.812.728)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		4.500.000	5.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.339.718.700)	(1.118.109.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		8.073.049.557	9.604.107.705
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.014.848.569)	(4.014.022.997)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		279.362.273	3.272.727
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			3.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(5.708.700.000)	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			458.250.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.497.901.719	13.781.295.386
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		6.053.715.423	13.228.795.116

(Phần tiếp theo ở trang 11)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			41.300.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(22.500.000.000)	(14.097.522.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(22.500.000.000)	(14.056.222.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(8.373.235.020)	8.776.680.821
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		42.900.654.506	33.763.127.790
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		636.140.635	360.845.895
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		35.163.560.121	42.900.654.506

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại (dưới đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần được thành lập theo:

- Quyết định số 0776/1999/QĐ/BTM, ngày 24 tháng 06 năm 1999 của Bộ trưởng Bộ Thương Mại về việc chuyển Xí nghiệp Đại lý Vận Tải Và Gom Hàng thành Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Và Thương Mại.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 064162, ngày 31 tháng 07 năm 1999 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 20 tháng 10 năm 2009.

Trụ sở của Công ty được đặt tại số 145 -147 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 90 tỷ đồng.

Ngoài ra, Công ty còn thành lập các chi nhánh sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113000049, ngày 29 tháng 12 năm 2000 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 15 tháng 06 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.
- Chi nhánh tại Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0213005696, ngày 22 tháng 09 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.
- Văn phòng đại diện thương mại tại Vương quốc Campuchia được thành lập theo Giấy chứng nhận xác nhận có đăng ký trong sổ thương mại số 5692 TM/PC, ngày 17 tháng 12 năm 2010 do Bộ Thương Mại Campuchia cấp.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kinh doanh các dịch vụ: giao nhận vận tải, kho, gom hàng xuất nhập khẩu, dịch vụ thủ tục hải quan và các dịch vụ khác như tái chế, bao bì, mua bảo hiểm, giám định, kiểm kiện;
- Đại lý tàu biển, đại lý lưu cước, quản lý vỏ container cho các hãng tàu;
- Đại lý giao nhận cho các hãng giao nhận vận tải nước ngoài;
- Kinh doanh: kho bảo quản hàng hóa, vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật;
- Đại lý cho các công ty chuyển phát nhanh nước ngoài;
- Gia công nút áo bằng vỏ sò, đồ gỗ;
- Gia công quần áo và hàng gia dụng bằng nylon-nhựa PVC;
- Gia công hàng dệt may;

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

- Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, kinh doanh nhà;
- Đại lý bán vé máy bay, đại lý vận chuyển hàng hóa;
- Kinh doanh vận tải đa phương thức;
- Dịch vụ chuyển phát.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 01 tháng 01 đến 31 tháng 12 hàng năm.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Chứng từ ghi sổ.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty hạch toán tỷ giá hối đoái theo phương pháp tỷ giá hạch toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
+ Máy móc, thiết bị	04 - 10 năm
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

4.5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.
- Các khoản góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

Giá trị vốn góp vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là giá trị vốn góp được các bên tham gia liên doanh thống nhất đánh giá và được chấp thuận trong biên bản góp vốn.

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.6. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.
- Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ 1% trên Quỹ tiền lương làm cơ sở đóng Bảo hiểm Xã hội của doanh nghiệp.

4.7. Lương

Căn cứ trên Quỹ lương được duyệt của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế

Việc trích lập quỹ được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN Công ty đang áp dụng là 20% đối với hoạt động kinh doanh chính.

- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn và tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.12. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	2.466.451.075	2.113.968.797
Tiền gửi ngân hàng	23.448.709.046	29.786.685.709
Các khoản tương đương tiền	<u>9.248.400.000</u>	<u>11.000.000.000</u>
Tổng cộng	<u>35.163.560.121</u>	<u>42.900.654.506</u>

Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

5.2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	42.907.140.301	31.173.887.546
Trả trước cho người bán	16.236.531.788	12.983.429.729
Các khoản phải thu khác	<u>10.967.821.960</u>	<u>9.091.722.847</u>
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	70.111.494.049	53.249.040.122
Dự phòng phải thu khó đòi	<u>(1.727.333.126)</u>	<u>(1.131.501.397)</u>
Giá trị thuần của các khoản phải thu	<u>68.384.160.923</u>	<u>52.117.538.725</u>

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Khoản trả trước cho người bán chủ yếu là 2 khoản ứng trước sau:

- Khoản ứng trước 60% giá trị hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu Tư Xây Dựng Hiệp Phước Khánh về việc thực hiện dịch vụ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, xin giấy phép đầu tư xây dựng kho bãi và nhà xưởng tại Xã Phước Hòa, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, với số tiền là 3.087.000.000 đồng.

- Khoản ứng trước 20% giá trị hợp đồng cho Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Phú An Thạnh - Long An về việc thuê quyền sử dụng đất gắn với kết cấu hạ tầng trên đất tại Khu công nghiệp Bắc An Thạnh, Xã An Thạnh, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An với số tiền là 5.374.987.428 đồng.

Các khoản phải thu khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào 127.132m ² đất ở Nhơn Trạch - Đồng Nai	7.396.356.080	7.396.356.080
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.360.000.000	1.530.000.000
Khác	<u>211.465.880</u>	<u>165.366.767</u>
Cộng	<u>10.967.821.960</u>	<u>9.091.722.847</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.3. Tài sản ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Tạm ứng	2.009.039.339	1.779.754.723
Bảo lãnh giấy phép vận tải đa phương thức	<u>2.000.000.000</u>	<u>2.000.000.000</u>
Tổng cộng	<u>4.009.039.339</u>	<u>3.779.754.723</u>

5.4. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	8.082.292.806	1.626.352.706	20.338.868.603	1.224.865.648	31.272.379.763
Mua trong năm	-	782.136.364	-	232.712.205	1.014.848.569
Thanh lý, nhượng bán	-	(260.000.000)	(145.857.142)	(14.090.909)	(419.948.051)
Số dư cuối năm	<u>8.082.292.806</u>	<u>2.148.489.070</u>	<u>20.193.011.461</u>	<u>1.443.486.944</u>	<u>31.867.280.281</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.531.890.282	735.119.832	6.384.302.913	754.910.418	12.406.223.445
Khấu hao trong năm	615.013.608	228.077.483	2.007.445.721	231.456.256	3.081.993.068
Thanh lý, nhượng bán	-	(143.000.022)	(133.702.360)	(14.090.909)	(290.793.291)
Số dư cuối năm	<u>5.146.903.890</u>	<u>820.197.293</u>	<u>8.258.046.274</u>	<u>972.275.765</u>	<u>15.197.423.222</u>
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	3.550.402.524	891.232.874	13.954.565.690	469.955.230	18.866.156.318
Tại ngày cuối năm	<u>2.935.388.916</u>	<u>1.328.291.777</u>	<u>11.934.965.187</u>	<u>471.211.179</u>	<u>16.669.857.059</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 4.185.657.853 đồng.

5.5. Đầu tư tài chính dài hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết	23.300.700.000	17.592.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh	15.416.283.802	15.416.283.802
Đầu tư dài hạn khác	<u>1.581.150.000</u>	<u>1.581.150.000</u>
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	<u>40.298.133.802</u>	<u>34.589.433.802</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	<u>40.298.133.802</u>	<u>34.589.433.802</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Đầu tư vào công ty liên kết được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Ngoại Thương Hà Nội (Vinatrans Hà Nội)	1.320.000	13.200.000.000	1.320.000	13.200.000.000
Công ty Cổ phần Giao Nhận Vận Tải Miền Trung (Vinatrans Đà Nẵng)	439.200	4.392.000.000	439.200	4.392.000.000
Công ty Cổ phần Logistic Kim Thành		<u>5.708.700.000</u>		<u>-</u>
Tổng cộng		<u>23.300.700.000</u>		<u>17.592.000.000</u>

Đầu tư vào công ty liên doanh được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty TNHH Vận Tải Việt Nhật Konoike Vina (Japan)	9,15%	4.908.430.302	9,15%	4.908.430.302
Công ty Liên Doanh Dịch Vụ Đại Lý Vận Chuyển (Freight Consolidators)	51%	3.680.051.500	51%	3.680.051.500
Công ty TNHH Điều Hành Vận Chuyển Hàng Hóa Liên Kết LCM	49%	3.148.740.000	49%	3.148.740.000
Công ty TNHH RCL (Việt Nam)	45%	2.130.300.000	45%	2.130.300.000
Công ty TNHH Hapag - Lloyd (Việt Nam)	49%	<u>1.548.762.000</u>	49%	<u>1.548.762.000</u>
Tổng cộng		<u>15.416.283.802</u>		<u>15.416.283.802</u>

Đầu tư dài hạn khác được chi tiết như sau:

	Cuối năm		Đầu năm	
	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị	Tỷ lệ góp vốn	Giá trị
Công ty Cổ phần Vận Tải Ngoại Thương (Vinafreight) - 85.500 cổ phần	1,50%	855.000.000	1,50%	855.000.000
Công ty TNHH Vận Tải Ô Tô Vinatrans	9,81%	<u>726.150.000</u>	9,81%	<u>726.150.000</u>
Tổng cộng		<u>1.581.150.000</u>		<u>1.581.150.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.6. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả người bán	13.802.560.005	8.196.957.047
Người mua trả tiền trước	<u>9.963.196.562</u>	<u>10.638.966.483</u>
Tổng cộng	<u>23.765.756.567</u>	<u>18.835.923.530</u>

Phải trả người bán là các khoản phải trả thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

5.7. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	572.344.774	396.761.019
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.808.640.870	798.095.072
Thuế thu nhập cá nhân	88.102.307	97.137.519
Các loại thuế khác	<u>267.350.047</u>	<u>212.303.564</u>
Tổng cộng	<u>3.736.437.998</u>	<u>1.504.297.174</u>

5.8. Phải trả người lao động

Là lương tháng 13 phải trả nhân viên.

5.9. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	2.315.579.323	1.607.138.323
Trích lập trong năm	2.546.350.000	1.544.900.000
Tặng khác	628.000.000	-
Sử dụng trong năm	<u>(2.254.438.700)</u>	<u>(836.459.000)</u>
Số dư cuối năm	<u>3.235.490.623</u>	<u>2.315.579.323</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	81.900.000.000	4.950.000.000	1.000.000.000	791.153.530	28.932.745.713	117.573.899.243
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	23.650.425.854	23.650.425.854
Tăng vốn điều lệ từ cổ tức	8.058.700.000	-	-	-	(8.058.700.000)	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	(12.082.400.000)	(12.082.400.000)
Tăng khác	41.300.000	-	1.000.000.000	-	-	1.041.300.000
Giảm khác	-	-	-	(791.153.530)	(2.850.973.000)	(3.642.126.530)
Số dư đầu năm nay	90.000.000.000	4.950.000.000	2.000.000.000	-	29.591.098.567	126.541.098.567
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	26.942.992.611	26.942.992.611
Chia cổ tức	-	-	-	-	(22.500.000.000)	(22.500.000.000)
Tăng khác	-	-	1.000.000.000	-	-	1.000.000.000
Giảm khác	-	-	-	-	(3.546.350.000)	(3.546.350.000)
Số dư cuối năm nay	90.000.000.000	4.950.000.000	3.000.000.000	-	30.487.741.178	128.437.741.178

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

5.10.2. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	9.000.000	9.000.000
Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	9.000.000	9.000.000

Mệnh giá cổ phần phổ thông đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

5.10.3. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của cổ đông Công ty	26.942.992.611	23.650.425.854
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong năm	9.000.000	8.997.986
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.994	2.628

5.10.4. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	29.591.098.567	28.932.745.713
Lợi nhuận sau thuế trong năm	26.942.992.611	23.650.425.854
Chia cổ tức	(22.500.000.000)	(20.141.100.000)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.073.350.000)	(1.544.900.000)
Trích lập Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Khen thưởng Ban điều hành	(473.000.000)	(299.823.000)
Khác	-	(6.250.000)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	30.487.741.178	29.591.098.567

(Phần tiếp theo ở trang 22)

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu phòng hàng không	129.497.702.055	143.962.989.953
Doanh thu phòng đường biển	91.484.002.490	75.555.309.006
Doanh thu phòng logistics	46.913.474.117	41.352.255.616
Doanh thu phòng Hapag - Lloyd	3.407.805.554	2.550.180.429
Doanh thu chi nhánh Hà Nội	105.154.530.454	71.252.897.783
Doanh thu chi nhánh Hải Phòng	<u>27.810.361.019</u>	<u>19.409.342.052</u>
Doanh thu thuần	<u>404.267.875.689</u>	<u>354.082.974.839</u>

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn phòng hàng không	122.497.197.394	136.783.973.525
Giá vốn phòng đường biển	84.510.505.716	68.686.768.474
Giá vốn phòng logistics	40.113.128.331	36.955.017.899
Giá vốn phòng Hapag - Lloyd	3.283.877.250	2.420.676.242
Giá vốn chi nhánh Hà Nội	102.715.933.160	69.444.255.884
Giá vốn chi nhánh Hải Phòng	<u>27.466.463.878</u>	<u>19.551.244.463</u>
Tổng cộng	<u>380.587.105.729</u>	<u>333.841.936.487</u>

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi chênh lệch tỷ giá	11.537.855.730	14.659.106.071
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.766.334.865	12.680.403.419
Lãi tiền gửi	1.561.566.854	1.896.891.967
Lãi từ bán cổ phiếu	-	227.250.000
Lãi trả chậm	<u>109.400.719</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>25.975.158.168</u>	<u>29.463.651.457</u>

6.4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá	10.150.665.720	13.946.855.021

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	3.820.548.344	2.509.380.568
Chi phí vật liệu	789.302.661	416.950.839
Chi phí đồ dùng văn phòng	303.686.712	267.432.846
Chi phí khấu hao tài sản cố định	319.364.249	331.472.050
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	595.831.729	837.001.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.727.150.035	3.748.497.516
Chi phí quản lý khác	1.072.733.298	556.323.585
Tổng cộng	10.632.617.028	8.671.058.702

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	31.988.604.286	27.101.394.268
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	5.369.650.243	3.266.430.080
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(12.766.334.865)	(12.680.403.419)
Trừ các khoản điều chỉnh giảm	(567.712.562)	(916.265.324)
Trừ thu nhập khác chịu thuế suất 25%	(4.815.405.082)	(1.934.745.875)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	19.208.802.020	14.836.409.730
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	3.841.760.404	2.967.281.946
Cộng chi phí thuế TNDN từ thu nhập khác	1.203.851.271	483.686.468
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	5.045.611.675	3.450.968.414

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục không được khấu trừ khi tính thuế theo quy định của luật thuế TNDN.

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	33.443.024.817	25.924.126.404
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.081.993.068	2.622.920.896
Chi phí dự phòng	595.831.729	837.001.298
Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.033.252.349	283.005.745.727
Chi phí khác bằng tiền	37.065.620.794	30.123.200.864
Tổng cộng	391.219.722.757	342.512.995.189

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

7. Báo cáo bộ phận

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

- Thành phố Hồ Chí Minh
- Thành phố Hà Nội
- Thành phố Hải Phòng

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

	ĐVT: triệu đồng									
	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	271.303	263.421	105.155	71.253	27.810	19.409	-	-	404.268	354.083
Giữa các bộ phận	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng cộng	271.303	263.421	105.155	71.253	27.810	19.409	-	-	404.268	354.083
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Kết quả của bộ phận	20.898	18.574	2.439	1.809	344	(142)	-	-	23.681	20.241
Chi phí không phân bổ	10.219	8.671	414	-	-	-	-	-	10.633	8.671
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính và chi phí tài chính	10.679	9.903	2.025	1.809	344	(142)	-	-	13.048	11.570
Thu nhập tài chính	24.350	27.476	1.619	1.979	6	9	-	-	25.975	29.464
Chi phí tài chính	8.095	12.283	2.055	1.654	1	10	-	-	10.151	13.947
Lợi nhuận khác	3.113	15	-	-	3	-	-	-	3.116	15
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.046	3.451	-	-	-	-	-	-	5.046	3.451
Lợi nhuận sau thuế	25.002	21.660	1.590	2.134	351	(143)	-	-	26.943	23.651

**CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Các thông tin khác

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản của bộ phận	152.168	140.464	17.427	15.480	5.794	5.210	(7.715)	(6.920)	167.674	154.234
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng tài sản	152.168	140.464	17.427	15.480	5.794	5.210	(7.715)	(6.920)	167.674	154.234
Nợ phải trả của bộ phận	27.658	20.060	11.832	9.200	5.586	5.354	(5.846)	(6.920)	39.230	27.694
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	27.658	20.060	11.832	9.200	5.586	5.354	(5.846)	(6.920)	39.230	27.694

	Hồ Chí Minh		Hà Nội		Hải Phòng		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí mua sắm tài sản	951	3.890	24	57	40	66	-	-	1.015	4.013
Chi phí khấu hao	2.335	1.969	160	137	588	517	-	-	3.083	2.623

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề giao nhận vận tải, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

8. Thông tin về các bên có liên quan

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	489.200.000	290.400.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	<u>1.748.934.293</u>	<u>1.517.122.464</u>
Tổng cộng	<u>2.238.134.293</u>	<u>1.807.522.464</u>

9. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.11.

- Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2011	31/12/2010
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.163.560.121	42.900.654.506
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.539.807.175	31.572.386.149
Đầu tư dài hạn khác	1.581.150.000	1.581.150.000
Tài sản tài chính khác	<u>2.598.696.000</u>	<u>2.517.916.000</u>
Tổng cộng	<u>83.883.213.296</u>	<u>78.572.106.655</u>
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	13.802.560.005	8.196.957.047
Chi phí phải trả	<u>924.343.575</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>14.726.903.580</u>	<u>8.196.957.047</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

Hiện nay, do Thông tư 210/2009/TT-BTC, ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính nên Công ty không thể đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

▪ Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

▪ Rủi ro tỷ giá

Công ty đã thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Hiện nay, do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này nên Công ty không thể thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	406.915,27	443.625,90	1.080.521,68	1.242.842,74

▪ Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

▪ Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản nợ và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tính thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN GIAO NHẬN VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	13.802.560.005	-	13.802.560.005
Chi phí phải trả	924.343.575	-	924.343.575

31/12/2010	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải trả người bán	8.196.957.047	-	8.196.957.047

Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	44.539.807.175	-	44.539.807.175
Đầu tư dài hạn khác	-	1.581.150.000	1.581.150.000
Tài sản tài chính khác	2.000.000.000	598.696.000	2.598.696.000

31/12/2010	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	31.572.386.149	-	31.572.386.149
Đầu tư dài hạn khác	-	1.581.150.000	1.581.150.000
Tài sản tài chính khác	2.000.000.000	517.916.000	2.517.916.000

10. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

11. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 20 tháng 03 năm 2012.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN THỊ BÌNH

NGUYỄN NAM TIẾN